

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Tài Ngoánh

2. Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C, C-H, sinh ngày 30/12/1977. Địa chỉ: Số A, hẻm A, lộ C, Khóm A, phường V, khu T, thành phố Đ, Đài Loan. Người đại diện nhận văn bản tố tụng của ông C, C-H: Ông Lâm Vũ T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số C, đường N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 10/02/2002. Căn cước công dân số 095302008448 cấp ngày 21/9/2022. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau.

(Ông C, C-H và bà Nguyễn Ngọc T1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông C, C-H trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2025, được người thân giới thiệu quen biết và tìm hiểu, ông C, C-H và bà T1 quyết định tiến tới hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2025. Thời gian đầu, vợ chồng cố gắng tìm hiểu để có hạnh phúc. Sau khi

kết hôn, ông C, C-H về Đài Loan sinh sống, còn bà T1 ở lại Việt Nam. Trong quá trình làm thủ tục bảo lãnh bà T1 sang Đài Loan sinh sống thì bà T1 không đến làm thủ tục phỏng vấn xin visa. Sau đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn. Do xa cách địa lý, bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán nên cuộc hôn nhân không thể tồn tại. Nên ông C, C-H yêu cầu ly hôn với bà T1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 trình bày: Bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông C, C-H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và tình trạng mâu thuẫn gia đình. Bà T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông C, C-H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện khu vực 7 – Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C, C-H, cho ông C, C-H và bà T1 ly hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau đã triệu tập ông C, C-H và Nguyễn Ngọc T1 tham gia phiên tòa nhưng ông C, C-H và bà T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, C-H và bà T1.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông C, C-H khởi kiện ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông C, C-H có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), bị đơn là bà T1 hiện đang cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Ông C, C-H và bà T1 tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2025 nên hôn nhân của ông C, C-H và bà T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông C, C-H xác định, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do xa cách địa lý, bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán nên mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C, C-H yêu cầu ly hôn với bà T1, bà T1 đồng

ý ly hôn với ông C, C-H nên Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông C, C-H với bà T1.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông C, C-H và bà T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C, C-H và bà T1, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí thuận tình ly hôn.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 24**, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C, C-H và bà Nguyễn Ngọc T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông C, C-H và bà Nguyễn Ngọc T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông C, C-H và bà Nguyễn Ngọc T1, mỗi người phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông C, C-H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004923 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên chuyển thu án phí 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) và được hoàn lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HSVA, HCTP.

Nguyễn Duy Khanh